

ĐẠI VIỆT TRONG BỐI CẢNH CHÍNH TRỊ KHU VỰC ĐÔNG Á THẾ KỶ XVI–XVII

NGUYỄN VĂN KIM

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Hà Nội

Nhận bài ngày 19/5/2026. Sửa chữa xong 30/5/2026. Duyệt đăng 06/6/2026.

Abstract

Following the major geographical discoveries of the late fifteenth and early sixteenth centuries, Asian countries began to face the penetration of Western powers. In East Asia, alongside traditional powers such as the Ming and Qing, Siam (Thailand) and Burma (Myanmar) also emerged as influential regional states. Over two centuries, in order to avoid the threat of invasion from the North and pressure from southern powers, and to concentrate resources in responding to Western powers, the Le-Trinh government in Dang Ngoai, following the policies of the Mac dynasty, clearly recognized the transformations of the age and implemented a relatively proactive foreign policy. This policy helped protect the political position of the dynasty and expand economic and diplomatic relations with regional countries. Based on multiple sources and field surveys, the article analyzes the internal political dynamics of Dai Viet in the sixteenth and seventeenth centuries, regional and international factors, the political responses of the Mac dynasty and the Le-Trinh government, and the immediate and long-term consequences of these policies for the country in subsequent centuries.

Keywords: Dai Viet, Dai Viet economy, Dai Viet politics, East Asia, sixteenth-seventeenth centuries.

1. Mở đầu

Thế kỷ XVI-XVII đến với lịch sử châu Á và thế giới với nhiều biến chuyển sâu rộng. Sau các phát kiến địa lý cuối thế kỷ XV đầu thế kỷ XVI, bức tranh chính trị, kinh tế, xã hội thế giới đã có nhiều thay đổi ở cả phạm vi, mức độ và tính chất. Trên toàn thế giới, các quốc gia châu Phi, châu Á, châu Mỹ,... bắt đầu chịu những tác động đa chiều, mạnh mẽ từ các thế lực phương Tây với sự hiện diện ngày càng thường xuyên của các đoàn thám hiểm, tàu buôn, tàu chiến và truyền giáo. Thế kỷ XVI-XVII được coi là thời kỳ mở đầu của quá trình *giao lưu, tiếp xúc - xâm nhập - thâm nhập - rồi can thiệp của các cường quốc châu Âu vào đời sống chính trị, xã hội của nhiều nước châu Á. Với châu Âu, thế kỷ XVI cũng là thời kỳ phát triển đỉnh cao và cuối cùng của phong trào Văn hóa phục hưng; thời kỳ của các trào lưu Cải cách tôn giáo...* và là thời điểm trỗi dậy của giai cấp tư sản, chuẩn bị cho sự bùng nổ của Cách mạng tư sản Hà Lan (1581-1648), Cách mạng tư sản Anh (1642-1688) và nhiều cuộc cách mạng xã hội khác diễn ra sau đó.

Trong hai thế kỷ bản lề đó, từ nền tảng kỹ thuật, công nghệ và cách thức tổ chức sản xuất theo phương thức mới, các nước phương Tây đã tạo ra sự phát triển trội vượt về năng lực sản xuất. Theo đó, “Chủ nghĩa tư bản hàng hóa, chủ nghĩa tư bản công trường thủ công, chủ nghĩa tư bản công nghiệp, chủ nghĩa tư bản hậu công nghiệp đang xuất hiện, chính là chủ nghĩa tư bản đã tiến triển trong lịch sử; nó đã tiến hóa bằng những phân tầng, mỗi tầng phát triển lên bằng cách phá hủy một phần các tầng cũ, biến đổi những gì còn lại và tự biến đổi trong một quá trình không ngừng”¹. Đó là một quá trình biến đổi và tự biến đổi, công nghiệp và công nghiệp hóa. Nhờ có sức mạnh kinh tế, công nghệ và vũ khí mà chủ nghĩa tư bản có thể từng bước chi phối phần lớn các xã hội trên phạm vi toàn cầu.

1) Michel Beaud (2002). *Lịch sử Chủ nghĩa tư bản từ 1500 đến 2000*. NXB Thế giới, tr.30.

Email: kimnguyenvanls@gmail.com

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thế giới đổi thay và sự xuất hiện của các nhân tố, thế lực mới

Với châu Á, sau sự kiện Bartolomeu Dias đi vòng quanh mũi Hảo Vọng (*Good Hope*) năm 1487; năm 1492, Christophe Colomb khám phá ra châu Mỹ. Tiếp đó, năm 1498 nhà thám hiểm Vasco de Gama đã dùng thuyền vượt biển đi qua vùng bờ biển châu Phi đến Ấn Độ. Đường biển trở thành huyết lộ, tuyến giao thông chính yếu trong các hành trình của người Âu mở rộng ảnh hưởng ra phạm vi toàn thế giới. Năm 1505, Bồ Đào Nha đã đến Ceylan. Năm 1510, tuyến buôn bán từ Lisbon đến Goa được thiết lập. Từ cứ điểm quan trọng này ở miền Nam Ấn, Bồ Đào Nha tiếp tục tiến sang Đông Nam Á, đánh chiếm Malacca năm 1511. Năm 1514, tàu Bồ Đào Nha đến Trung Quốc, năm 1557 chiếm Macao,... Năm 1543, do tác động của bão, chiếc tàu đầu tiên của Bồ Đào Nha đã trôi dạt đến Tanegashima, vùng đảo phía nam Nhật Bản. Như vậy, đến năm 1571, quốc gia Nam Âu này đã thiết lập được một hệ thống các cứ điểm quan trọng từ Lisbon đến Nagasaki (Nhật Bản)². Trong thế kỷ XVI-XVII, cùng với Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Hà Lan, Anh, Pháp đã là các quốc gia “tiên phong” trong quá trình chinh phục các thị trường, “vùng đất mới”. Dựa vào đường biển và sức mạnh trên biển, các “Cường quốc biển” (*Maritime powers*), “Đế chế đại dương” (*Maritime empires*) bắt đầu hình thành³. “Một cuộc săn đuổi của cải vô cùng rộng lớn, buôn bán và cướp bóc đã mở ra”⁴.

Trong tương quan so sánh, người ta bắt đầu nhận thấy, dù kỹ thuật, tri thức đi biển của người Trung Hoa, Đông Nam Á, Ấn Độ, Arab,... có phong phú, được tích lũy trong nhiều thế kỷ, thậm chí hàng nghìn năm đã dẫn không thể cạnh tranh với công nghệ, kỹ thuật hàng hải phương Tây. Sự hiện diện các đoàn tàu buôn, chiến hạm của các cường quốc biển châu Âu đã tạo nên những biến động lớn trong các mối quan hệ thương mại truyền thống của châu Á⁵. Nguồn hàng công nghiệp, vũ khí hiện đại, phương tiện đi biển và các thành tựu kỹ thuật mới (la bàn, ống nhòm, bản đồ, phương pháp xác định tọa độ, thuyền buồm lớn *caravelle*,...) đã được người phương Tây sử dụng hữu hiệu trong các chuyến hải trình. Cùng với đó, các khuynh hướng tư tưởng, tôn giáo, triết lý xã hội mới đã bắt đầu thâm nhập đến hầu khắp các xã hội châu Á⁶.

Trước sự thâm nhập của các thế lực phương Tây, trên bình diện khu vực, các quốc gia châu Á bắt đầu phải đối diện với đồng thời nhiều thách thức chính trị nghiêm trọng. Cùng với các “Thế lực truyền thống” ở nhiều vùng đất, không gian biển châu Á bắt đầu xuất hiện các “Nhân tố mới”, đó chính là cường quốc biển châu Âu như: Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Hà Lan⁷, Anh, Pháp,... Trong bối cảnh đó, ở châu Á một số thế lực khu vực (mà tiêu biểu là nhà Minh, 1368-1644) vẫn muốn duy trì vị thế, gia tăng ảnh hưởng, gây áp lực chính trị với các nước vốn có quan hệ “thần thuộc”. Để bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia và vương vị, nhiều thế chế chính trị châu Á đã vươn lên, trở thành các nhà nước thống nhất, trung tâm quyền lực mới⁸.

Với vùng Đông Bắc Á, Mạc phủ Edo (1600-1868), dưới thời cầm quyền của các tướng quân Tokugawa Ieyasu (1542-1616), Tokugawa Hidetada (1579-1623),... cũng muốn mở rộng ảnh hưởng ra bên ngoài. Cuối thế kỷ XVI, Nhật Bản từng hai lần (1592, 1597) đưa quân sang bán đảo Triều Tiên. Cùng với đó, các đoàn Wako (Hòa khấu) Nhật Bản cũng xâm nhập mạnh vào nhiều vùng biển châu Á. Đến cuối thế kỷ XVI, chế độ Châu Ấn thuyền (*Shuin sen*, 1592-1635) Nhật Bản bắt đầu được thiết lập. Để phá vỡ thế độc quyền thương mại của các thương nhân phương Tây và củng cố nhằm khẳng định vị thế kinh tế của Nhật Bản, chính quyền Toyotomi Hideyoshi (1536-1598) đã cho phép các thương nhân tiến hành quan hệ giao thương với hầu hết các quốc gia Đông Á⁹. Với Đông Nam Á, các thế lực như Ayutthaya (1351-

2) Boxer, C. R. (1993). *Portuguese merchants and missionaries in feudal Japan, 1534–1640*. In O. Cary, A history of Christianity in Japan. Curzon Press Ltd.

3) Mahan, A. T. (2012). Ảnh hưởng của sức mạnh trên biển đối với lịch sử, 1660–1783. NXB Tri thức; Kaplan, R. D. (2017). Sự minh định của địa lý (Đào Đình Bắc, Dịch). Alphabooks & NXB Hội Nhà văn.

4) Michel Beaud (2002). *Lịch sử Chủ nghĩa tư bản từ 1500 đến 2000*. NXB Thế giới, tr.30.

5) Frank, A. G. (1998). *ReOrient: Global economy in the Asian age*. University of California Press, pp.8-11 & 34-37.

6) Nguyễn Văn Kim. (2019). *Việt Nam trong các mối quan hệ khu vực và quốc tế*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 278-304.

7) Grant K. Goodman. (1986). *Japan: The Dutch experience*. The Athlone Press, pp.9-42.

8) Victor Lieberman. (2003). *Strange parallels: Southeast Asia in global context, c. 800–1830: Vol. 1. Integration on the mainland*. Cambridge University Press.

9) Nguyễn Văn Kim. (2003). *Quan hệ của Nhật Bản với Đông Nam Á thế kỷ XV–XVII*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. tr. 156-180.

1767) cũng thực thi nhiều chính sách kinh tế, chính trị mạnh mẽ với các quốc gia láng giềng khu vực¹⁰. Như vậy, trong các thế kỷ XVI-XVII, nhiều quốc gia Đông Á không chỉ phải đối diện với các cường quốc truyền thống ở châu Á mà còn phải trực tiếp đương đầu với các thế lực mới, đến từ phương Tây. Các thế lực này ngày càng thâm nhập, can thiệp mạnh vào đời sống chính trị, kinh tế, xã hội châu Á, gây nên nhiều biến động khu vực.

Song song với các sự biến chính trị đó, trong suốt thế kỷ XVI-XVII, từ những tuyến hải trình truyền thống (các tuyến giao thương nội Á, liên Á), một hệ thống giao thương mới liên lục địa, liên đại dương đã được thiết lập với sự xuất hiện của các đô thị, cảng thị và trung tâm cung cấp hàng hóa, thương mại mới. Nói cách khác, hệ thống giao thương châu Á đã được tái cấu trúc, định vị lại và mở rộng trên phạm vi của một “Thị trường phổ quát” (*Mass market*) đặt nền cho quan hệ kinh tế toàn cầu. Dựa trên những tri thức tổng quan về địa lý, thiên văn học, với những trải nghiệm, kiểm nghiệm thực tế, càng ngày người ta càng có được nhận thức sâu sắc, toàn diện hơn về tiềm năng kinh tế, sức mạnh thực tế của chung khu vực và từng quốc gia châu Á. Nguồn tài nguyên tự nhiên, đặc biệt là kim loại quý, hương liệu, tơ lụa, gốm sứ,... của các xứ phương Đông đã cuốn hút nhiều đoàn thám hiểm, thương nhân phương Tây tìm đến các vùng biển châu Á.

Trong công trình nghiên cứu nổi tiếng, học giả Max Weber từng có những phân tích chuyên sâu về bản chất của chủ nghĩa tư bản, sức mạnh của kinh tế hàng hóa, tiền tệ với sự phát triển của các nước châu Âu. Về kinh tế, theo quan điểm của ông: “*Tiền bạc có thể đẻ ra tiền bạc, những chồi lộc của nó có thể sinh ra tiền nhiều hơn thế nữa*”¹¹. Như vậy, chính lợi ích kinh tế là căn nguyên, động lực mạnh mẽ nhất thúc các công ty Đông Ấn hướng đến các vùng đất ngoài châu Âu. Như vậy, thật khó có thể hình dung, trong khi nghiên cứu quá trình “*Tích lũy nguyên thủy tư bản chủ nghĩa*” từng diễn ra ở châu Âu lại có thể bỏ qua hay không tập trung phân tích chuyên sâu, toàn diện các “*nhân tố châu Á*”, tức quá trình thâm nhập và chiếm đoạt, bao mua và cưỡng chế các nguồn tài nguyên, nhân lực châu Á cho quá trình tích lũy ấy.

Cùng với những nguyên nhân “*thế tục*” đó, đức tin tôn giáo cùng khát vọng “*khai hóa*” của nhiều thế lực phương Tây cũng đã tạo thêm cơ sở, động lực cho các đoàn tàu ra đi. Trên thực tế, đã có sự gắn kết chặt chẽ giữa các mục tiêu kinh tế, lợi ích thương mại với những tham vọng chính trị và “*sứ mệnh*” tôn giáo. Sự kết hợp giữa các thành tố đó có thể hợp tụ thành “*Thuyết 2-C*” (*Commerce/Thương mại và Christianity/Cơ đốc giáo*), hay “*Thuyết 2-S*” (*Spices/Hương liệu và Soul/Linh hồn*) như một hiện tượng phổ quát trong đời sống kinh tế, chính trị thế giới thời cận thế¹². Trong suốt các thế kỷ XVI-XVIII, các đoàn thám hiểm, tàu buôn của Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha; Công ty Đông Ấn Hà Lan (VOC), Đông Ấn Anh (EIC), Đông Ấn Pháp (CIO),... đã từng bước làm chủ đại dương và thâm nhập vào nhiều xã hội châu Á¹³. Từ Đông Âu, người Nga cũng hướng mạnh đến Viễn Đông và vùng eo biển Bering... Đúng như nhà Sử học Pháp là Fernand Braudel đã nhận định: Chinh phục biển khơi mang lại cho châu Âu vị trí hàng đầu trong nhiều thế kỷ. Kỹ thuật hàng hải trên biển đã tạo nên một sự không đối xứng ở tầm cỡ thế giới, một đặc quyền. Sự bùng nổ của châu Âu trên tất cả các vùng biển thế giới, trên thực tế đã đặt ra một vấn đề lớn là tại sao kỹ thuật hàng hải lại không được chia sẻ cho mọi nền văn minh hàng hải thế giới mà lại chỉ do châu Âu độc quyền¹⁴.

2.2. Đại Việt trước những áp lực chính trị từ phương Bắc

Với châu Á, đặc biệt là khu vực Đông Á, từ đầu thế kỷ XV nhà Minh (1368-1644) đã trở thành một đế chế khu vực. Vào đầu thế kỷ XV, nhà Minh đã tổ chức 7 chuyến hạ Tây Dương, cử các đoàn thám thuyền, thương thuyền và sứ thuyền đến nhiều quốc gia châu Á và bờ Tây của lục địa châu Phi. Với chủ trương đó, nhà Minh đã tự mình chuyển hóa từ một cường quốc lục địa thành một đế chế biển, chủ động mở

10) Nguyễn Văn Kim. (2023). *Chính sách đồng của Nhật Bản thời kỳ Tokugawa: Nguyên nhân và hệ quả*. NXB Thế giới & MaiHaBooks, tr.146-168.

11) Max Weber. (2008). *Nền đạo đức Tin lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản*. NXB Tri thức, tr. 89.

12) Nguyễn Văn Kim. (2016). *Lời giới thiệu*. Trong Hoàng Anh Tuấn, Thương mại thế giới và hội nhập của Việt Nam thế kỷ XVI–XVIII. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 13.

13) William J. Bernstein. (2017). *Lịch sử giao thương: Thương mại định hình thế giới như thế nào?* (Ngọc Mai, Dịch; Võ Minh Tuấn, Hiệu đính). NXB Thế giới

14) Fernand Braudel. (1998). *Những cấu trúc sinh hoạt thường ngày*. NXB Thế giới, tr. 336.

rộng ảnh hưởng đến nhiều không gian biển của châu Á và thế giới¹⁵. Với Đông Nam Á, mặc dù chịu thất bại trong cuộc chiến tranh xâm lược Đại Việt (1407-1427), nhưng triều đại này vẫn muốn thể hiện “quyền uy chính trị” với chính quyền Thăng Long cùng nhiều thể chế chính trị khu vực.

Vì các mục tiêu kinh tế và để đặt ách thống trị lâu dài, ngay từ năm 1408 giới cầm quyền Minh đã cho vẽ bản đồ, đo đạc, thăm dò các nguồn tài nguyên, địa thế, lãnh thổ của Đại Việt¹⁶. Trên cơ sở đó, chính quyền đô hộ đã kiểm soát dân cư, các tuyến giao thông, đất đai, can thiệp trực tiếp vào nhiều ngành kinh tế, đặt ra nhiều loại thuế và hệ thống lao dịch. Triều Minh còn đặt ra các cơ quan quản lý, hệ thống kho tàng, cục thuế khóa, khai thác nhân lực, đánh thuế đất đai, nông nghiệp, các sản phẩm thủ công, tận thu, vơ vét cả các nguồn tài nguyên của Đại Việt; kiểm soát, đánh thuế cao vào nhiều ngành sản xuất trong đó có việc vận chuyển, buôn bán muối. Tất cả của cải thu vét được đều được đưa về phương Bắc¹⁷.

Trên phương diện đối ngoại, để xác lập vị trí và giành đoạt lợi ích từ nhiều quốc gia Đông Á, Minh Thành Tổ đã thực thi một loạt các biện pháp nhằm gây sức ép chính trị, ngoại giao và tiến hành chiến tranh xâm lược... Từ năm 1405, nhiều đoàn thuyền buôn, sứ thuyền đã được triều Minh cử đến Đông Nam Á. Những con thuyền trong chuyến viễn du của Trịnh Hòa được thư tịch Trung Quốc chép là nặng tới 1.500 tấn, dài 44 trượng, rộng 18 trượng với 9 cột buồm và 12 cánh buồm, mang theo rất nhiều vàng bạc, tơ lụa, vải hoa, đồ sứ, đồ sắt đến các nước phương Nam. Các sản phẩm hàng hóa này được dùng để ban tặng cho triều đình các nước, đồng thời đó cũng là nguồn hàng xuất đến các quốc gia và từ đó các nước có thể tái xuất ra bên ngoài. Sự kết hợp giữa chính trị với kinh tế; bang giao lỏng kết với các mục tiêu truyền bá tư tưởng, văn hóa,... đã được thể hiện rõ trong hoạt động của các phái bộ viễn chinh. Trên thực tế, chế độ “Ngoại giao triều cống” của các nước với chính quyền Nam Kinh (1368-1421) rồi Bắc Kinh (1421-1644) và quan hệ kinh tế khu vực đã đem về cho triều Minh nhiều nguồn tài nguyên quý như: Vàng, bạc, đồng, hương liệu cùng các sản vật đặc hữu của Hệ sinh thái phổ/phồn tạp nhiệt đới châu Á (*General ecosystem*). Trong thời gian xâm lược Đại Việt cùng với chính sách “Tận thu, tận diệt” về kinh tế, nhân lực¹⁸ triều Minh còn thực thi nhiều biện pháp cướp đoạt, tàn hủy nguồn tài nguyên, di sản văn hóa¹⁹.

Đến thế kỷ XVI-XVII, chủ trương chính trị của triều Minh với phương Nam dường như đã có sự chuyển hóa từ tập trung “bình định biên giới, lãnh thổ” chuyển sang duy trì quyền lực, ảnh hưởng nhằm tiếp tục kiểm soát Đông Nam Á bán đảo, can thiệp vào Đông Nam Á hải đảo. Trở lại lịch sử Đại Việt ta thấy, năm 1529, trước hành động giành đoạt quyền lực của nhà Mạc (1527-1592), hai cựu thần của nhà Lê là Trịnh Ngung và Trịnh Ngang đã sang phương Bắc để nghị nhà Minh cho quân “tiểu trừ” nhà Mạc. Nhưng, giới cầm quyền phương Bắc đã dùng con bài chính trị hai mặt vừa muốn bảo vệ cho tính chính danh của chính quyền Lê sơ vừa muốn dung dưỡng cho sự hiện diện của nhà Mạc. Vì thế, “Việc không thành, hai anh em đều chết ở bên Minh”²⁰! Năm 1533, nhân tình thế chính trị phức tạp ở Đại Việt, nhà Minh đã định mượn cơ “bỏ việc tiến cống” để tiến hành chiến tranh xâm lược. Theo quan điểm của triều đình phương Bắc: “An Nam từ lâu không đến cống ở sân đình, theo phép đáng hỏi tội. Nay nước này tâu rằng, nghịch thần Mạc Đăng Dung soán đoạt, ngăn trở đường đi cống, lại tự mình xưng danh hiệu, đặt quan lại ngục, tội ác đã rõ ràng, mệnh tướng xuất sư chinh thảo”²¹.

Nhưng, từ cuối thế kỷ XVI, nửa đầu thế kỷ XVII, triều Minh ngày càng suy yếu. Chính quyền Bắc Kinh phải thường xuyên đối phó với các cuộc đấu tranh, nổi dậy của cư dân nhiều địa phương trong đó có các tỉnh biên giới phía Nam như: Vân Nam, Quảng Tây, Quảng Đông. *Minh sử và Minh thực lục đều ghi lại nhiều lần thổ quan ở vùng này tấu lên triều đình việc các địa phương có xung đột, cho quân đội xâm nhiễu,*

15) Nguyễn Văn Kim. (2011). Văn minh và đế chế: Nhìn lại con đường phát triển của các quốc gia Đông Á. Trong Nguyễn Văn Kim (Chủ biên), *Việt Nam trong thế giới Đông Á: Một cách tiếp cận liên ngành và khu vực học*. NXB Chính trị Quốc gia, tr. 293-326.

16) *Minh thực lục: Quan hệ Trung Quốc - Việt Nam thế kỷ XIV-XVII: Tập 1* (Hồ Bạch Thảo, Dịch & Chú thích). (2010). NXB Hà Nội. tr. 296-297.

17) *Minh thực lục: Quan hệ Trung Quốc - Việt Nam thế kỷ XIV-XVII: Tập 1* (Hồ Bạch Thảo, Dịch & Chú thích). (2010). NXB Hà Nội.

18) Nguyễn Văn Kim. (2014). Chính sách kinh tế của nhà Minh với Đại Việt (1407-1427). *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, 10(462), 32-44.

19) Nguyễn Văn Kim. (2015). Chính sách văn hóa của nhà Minh với Đại Việt (1407-1427). *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, 6(470), 3-17.

20) *Đại Việt sử ký toàn thư: Tập 3*. (1993). NXB Khoa học Xã hội, tr.112.

21) *Minh thực lục: Quan hệ Trung Quốc - Việt Nam thế kỷ XIV-XVII: Tập 3* (Hồ Bạch Thảo, Dịch & Chú thích). (2010). NXB Hà Nội. Sđd, tr.189.

tấn công lẫn nhau. Triều đình nhà Minh đã phải nhiều lần ban hành chỉ dụ, khuyên răn các địa phương. Nhưng, các biện pháp đó đều không đem lại những kết quả hữu hiệu.

Trên bán đảo Triều Tiên, nhà Minh tiếp tục gây áp lực chính trị với vương triều Choson (1392-1910). Nhưng, các sứ đoàn và thương nhân của Cao Ly/Triều Tiên đến kinh đô Bắc Kinh bằng đường bộ cũng thường xuyên bị ngăn cản. Ở phía đông, từ thế kỷ XIV và trong suốt thế kỷ XV-XVI, sự hoành hành của các toán cướp biển Nhật Bản (*Wako*) đã đẩy quan hệ hai nước trở nên căng thẳng. Hoạt động của Hòa khấu là một trong những nguyên nhân khiến nhà Minh phải thực thi chính sách hải cấm (1371-1567) để kiểm soát bờ biển và các quan hệ giữa Trung Quốc với thế giới bên ngoài²². Sự hấp dẫn của thị trường Đông Nam Á và vị thế chuyển giao giữa hai khu vực Thái Bình Dương - Ấn Độ Dương cũng như những khó khăn, bất ổn ở vùng biên giới phía Bắc khiến triều Minh ngày càng lo ngại về thế lực và nguy cơ tấn công của người Mãn.

Với Nhật Bản, thế kỷ XVI-XVII là thời kỳ diễn ra nhiều biến động. Mạc phủ Muromachi (1336-1590), thiết chế quân sự, nắm giữ quyền lực chính trị trung tâm ở đảo quốc, ngày càng tỏ ra suy yếu. Nhân cơ hội đó, ở nhiều địa phương, các lãnh chúa có thế lực (*daimyo*) đã vươn lên, khẳng định vai trò, quyền uy thực tế của mình. Diễn tiến chính trị đó đã khiến cho đất nước Nhật Bản lâm vào cuộc chiến tranh tương tàn giữa các tập đoàn võ sĩ (*Bushi dan*). Lịch sử gọi đó là thời kỳ Chiến quốc (*Sengoku jidai*, 1490-1600).

Nhưng, tương phản với bức tranh chính trị dường như hỗn loạn đó, ở Nhật Bản đã có nhiều phát triển đột khởi về chính trị, tư duy kinh tế và sáng tạo văn hóa. Do yêu cầu chiến tranh mà người Nhật ngày càng hiểu biết sâu sắc về đất nước và các quốc gia láng giềng châu Á. Đó cũng là thế kỷ mà Nhật Bản, cùng với các dân tộc phương Đông, bắt đầu đối thoại và phải đối diện với thế lực phương Tây. Thế kỷ XVI cũng là thế kỷ mà Nhật Bản thực thi chế độ Châu ẩn thuyền (*Shuin-sen*, 1592-1635), mở rộng và chủ động đẩy mạnh quan hệ với thế giới bên ngoài, đặc biệt là với Đại Việt (Đàng Ngoài - Đàng Trong). Đây được coi là chủ trương “hội nhập” mạnh mẽ của Mạc phủ Edo với thế giới Đông Á²³.

Với bán đảo Triều Tiên, sau khi thiết lập, vương triều Choson đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục và khuếch trương ảnh hưởng của Nho giáo. Từ thế kỷ XV, hệ thống chữ viết *Han'gul*, được sáng tạo thời vua Sejong (Thế Tông, 1418-1450) đã được sử dụng phổ biến. Cơ cấu 4 đẳng cấp: *Yangban* (Lưỡng ban), *Chung'in* (Trung nhân), *Sang'in* (Thường dân), *Ch'onmin* (Tiện dân) hình thành, tạo nên một chế độ đẳng cấp chặt chẽ. Tuy nhiên, đến cuối thế kỷ XVI, cuộc xung đột giữa phái Đông nhân (do Yi Hwang đứng đầu) và Tây nhân (Kim Hyo-won lãnh đạo) đã diễn ra và cuộc xung đột chính trị này đã đẩy đất nước vào thời kỳ biến loạn. Nhân cơ hội đó, trong các năm 1592 và 1597, vì nhiều mục tiêu khác nhau, Nhật Bản đã hai lần đưa quân sang xâm lược bán đảo²⁴. Các cuộc xâm lược của Nhật Bản cuối thế kỷ XVI đã để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng trong quan hệ hai nước và có nhiều tác động đến quan hệ khu vực. Các cuộc xâm lược đó đã phá vỡ thế cân bằng tương đối của “tam giác quyền lực”: Trung Quốc (Minh) - Nhật Bản (Hideyoshi) - Triều Tiên (Choson).

Trong bối cảnh đó, ở Việt Nam, thế kỷ XVI là thế kỷ mà triều đại Lê sơ (1428-1527), một triều đại lớn, từng có nhiều phát triển trội vượt, đã dần bị suy yếu tự bên trong thể chế. Nhân cơ hội đó, Mạc Đăng Dung (1483?-1541, Thái phó, kiêm Tiết chế các doanh quân thủy bộ) một thế lực vùng duyên hải Đông Bắc đã nổi dậy, phế truất vua Lê Chiêu Tông (1522) lập nên triều Mạc (1527-1592)²⁵. Hành động giành đoạt quyền lực đó của nhà Mạc dẫn đến phản ứng chính trị gay gắt của nhiều lực lượng xã hội, đặc biệt là những người ủng hộ thể chế chính trị Lê sơ. Đó chính là nguyên nhân cốt yếu dẫn đến cuộc xung đột Nam - Bắc triều (1530-1592) trong suốt 6 thập niên. Như vậy, một cấu trúc chính trị chặt của mà các vua

22) Dương Văn Huy. (2007). Nhìn lại chính sách “Hải cấm” của nhà Minh Trung Quốc. Trong Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, *Việt Nam trong hệ thống thương mại châu Á thế kỷ XVI-XVII* (tr. 149-170). NXB Thế giới.

23) Nguyễn Văn Kim. (2023). *Biển Việt Nam và các mối giao thương biển*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

24) Carter J. Eckert, Ki-baik Lee, Young Ick Lew, Michael Robinson, & Edward W. Wagner. (1990). *Korea old and new: A history*. Ilchokak Publishers for Korea Institute, Harvard University Press, pp.143-148; Andrew C. Nahm. (2005). *Lịch sử và văn hóa bán đảo Triều Tiên*. NXB Văn hóa Thông tin, tr.138-155.

25) Từ năm 1528, các sứ thần Triều Tiên đã báo lên triều đình Choson một cách kỹ càng về quá trình Mạc Đăng Dung ép vua Lê để chiếm giữ vương và thái độ chính trị của nhà Minh. Đã có ít nhất 4 bản tấu về vấn đề này vào các năm 1528, 1537, 1538 và 1543. Youn Dae-Yeong - Nguyễn Văn Kim, & Nguyễn Mạnh Dũng. (2014). *Lịch sử quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc (1862-1945)*. NXB Lao động, tr. 17-18.

Lê Thái Tổ (1385-1433), Lê Thái Tông (1423-1442), đặc biệt là Lê Thánh Tông (1460-1497), dày công kiến dựng đã không thể tiếp tục duy tồn²⁶. Mô hình đó bị tháo dỡ, rồi lại được tái cấu trúc theo một mô thức mới trước nhiều áp lực chính trị, xã hội trong nước, khu vực. Mô hình chính trị đó đã duy trì quyền lực trong suốt 256 năm (1533-1789). Một số nhà nghiên cứu cho rằng, thời kỳ cầm quyền của vua Lê - chúa Trịnh là thể chế “Song trùng lãnh đạo”, “Thế chế lưỡng đầu” hay “Hai chính quyền cùng song song tồn tại”. Nếu so sánh, có thể thấy nhiều điểm tương đồng với lịch sử Nhật Bản thế kỷ XVI-XVIII²⁷. Sự giằng xé giữa tập quyền và phân quyền, giữa thế lực chính trị dân sự truyền thống (hoàng gia) với thế lực quân sự mới, đang lên (nắm giữ quyền lực thực tế nhưng chưa thể dứt bỏ các giá trị xã hội,...) đã dẫn đến sự xuất hiện của thể chế chính trị đặc thù này.

2.3. Đông Nam Á và thách thức chính trị từ phương Nam

Với Đông Nam Á, thế kỷ XVI-XVII là thời kỳ diễn ra nhiều biến động xã hội. Đó là thời kỳ suy tàn của nhiều vương triều nhưng cũng là 2 thế kỷ chứng kiến sự trỗi dậy của một số thế lực, đế chế khu vực. Với Siam, ngay sau khi lên cầm quyền thế kỷ XIV, Ramathibodi (Uthong, 1350-1369), người kiến lập nên vương triều Ayutthaya (1351-1767), đã thực hiện “Chính sách hướng Đông”²⁸ tương đối mạnh mẽ. Hơn 4 bốn thế kỷ tồn tại của triều đại này cũng là thời kỳ mà chính quyền Siam vừa thực hiện một số “quan hệ hòa hiếu” với các nước láng giềng châu Á vừa là tác nhân gây nên những bất đồng, xung đột khu vực. Triều đình Ayutthaya đã hơn 10 lần tấn công Chân Lạp, nhiều lần tàn phá kinh đô Angkor. Nhưng, trong thế đối diện với các thế lực khu vực, vương triều này cũng đã phải tổ chức các cuộc kháng chiến chống quân Miến Điện và sự xâm nhập của một số quốc gia Đông Nam Á²⁹.

Ở Đông Nam Á, sau hơn 6 thế kỷ không ngừng củng cố thể chế, thể hiện quyền uy, đến thế kỷ XV, đế chế Angkor (802-1432) từng bước suy yếu. Với việc chuyển đô từ Angkor (Siem Reap) về Longvek rồi Phnom Penh, lịch sử nước này bước vào thời kỳ “Hậu Angkor” (1431-1863). Trong khi phải đối chọi với nhiều thách thức chính trị trong nước, giới cầm quyền Chân Lạp vẫn cố gắng duy trì một số hoạt động ngoại giao với triều Minh, Mạc phủ Edo (Nhật Bản), chính quyền Lê - Trịnh (Đàng Ngoài) và chúa Nguyễn (Đàng Trong),... để duy trì các hoạt động bang giao, thương mại. Trong quan hệ khu vực, chính quyền Chân Lạp vẫn muốn dựa vào ảnh hưởng chính trị, kinh tế của nhà Minh để ngăn chặn các hành động xâm lấn của người Thái³⁰.

Vào thế kỷ XVI-XVII, từ một đế chế khu vực, vương quốc Chân Lạp bắt đầu trở thành địa bàn tranh chấp, mục tiêu chinh phục của nhiều thế lực khu vực, quốc tế³¹. Trong khi đó, ở lưu vực sông Chao Phraya, vào thế kỷ XVI, triều đại Ayutthaya muốn vươn lên trở thành một cường quốc tiểu vùng. Tuy nhiên, tham vọng đó của người Thái luôn vấp phải sự uy hiếp của người Miến. Trước sức ép chính trị từ phía bắc, chính quyền Ayutthaya đã phải mở rộng ảnh hưởng xuống bán đảo Đông Nam Á và hướng tầm nhìn về vùng hạ châu thổ Mekong. Trên bán đảo Đông Nam Á, đến cuối thế kỷ XV, sau những biến động chính trị (1471), vương quốc Champa đã bị suy yếu. Về phía tây nam, vào thế kỷ XVI, ở Ai Lao cũng diễn ra nhiều biến động chính trị. Nhưng cuối cùng, đến năm 1591 vua Nokèou Koumane đã thống nhất được đất nước³². Trước sức

26) Trong tác phẩm *Từ điển lịch sử Việt Nam*, nhà sử học Mỹ William J. Duiker cho rằng, Lê Thánh Tông “có thể là hoàng đế vĩ đại nhất của thời hậu Lê”, Historical dictionary of Vietnam. (1989). The Scarecrow Press, p.92. Trong cuốn *Lịch sử Đông Nam Á*, Nicholas Tarling đã so sánh Lê Thánh Tông với vua Paramatrailokanat, một ông vua đầy quyền lực của triều đại Ayutthaya: “Cả hai đều là những nhà tập quyền mạnh mẽ, họ đã tuyên truyền và chế định luật pháp và như vậy đã có thể khẳng định mọi tầng lớp xã hội đều được đặt dưới sự trị vì của họ, đồng thời các tầng lớp đó cũng xác định được địa vị của mình trong một cơ chế quan liêu và thể chế hoà hợp”, Nicholas Tarling (Ed.). (1992). *The Cambridge history of Southeast Asia* (Vol. 1). Cambridge University Press. p. 486.

27) Nguyễn Văn Kim. (2003). Về cơ chế hai chính quyền cùng song song tồn tại trong lịch sử Việt Nam và Nhật Bản. Trong Nguyễn Văn Kim (Chủ biên), *Nhật Bản với châu Á: Những mối liên hệ lịch sử và chuyển biến kinh tế - xã hội*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 75-95.

28) Tên gọi “Vương quốc Siam” bắt đầu được sử dụng từ năm 1767. Trước đó, từ năm 1350-1767 tên vương quốc là Ayutthaya. Từ năm 1939 đến nay được gọi là Thái Lan (Thailand). Trong thời gian 1945-1949, người Thái lấy lại quốc hiệu là Siam. Trong các nguồn sử liệu Việt Nam (Đại Việt sử ký toàn thư, Đại Nam thực lục,...) đều viết là Xiêm hay Xiêm La. Trong bài viết, thuật ngữ “Siam”, Miến Điện (Burma, Myanmar), Chân Lạp (Khmer, Chenla, Cambodia hay Campuchia) dùng để chỉ chung lịch sử các nước.

29) Nguyễn Văn Kim. (2024). Cấu trúc và tương tác quyền lực ở Đông Nam Á bán đảo từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX. Tạp chí Thế giới toàn cảnh, (4), 27–35.

30) David Chandler. (2008). *A history of Cambodia*. Westview Press, p. 92.

31) B.P. Groslier. (2006). *Angkor and Cambodia in the sixteenth century according to Portuguese and Spanish sources*. Orchid Press, pp.67-93.

32) D.G.E Hall. (1997). *Lịch sử Đông Nam Á*. NXB Chính trị Quốc gia, tr. 649.

ép của cả hai thế lực là Thái và Miến Điện, giới cầm quyền Ai Lao chủ trương duy trì quan hệ hòa hiếu với Đại Việt để tranh thủ sự ủng hộ của chính quyền Lê - Trịnh và quốc gia láng giềng phía đông.

Cũng cần phải nói thêm là, trước sức mạnh của nhà Mạc, An thành hầu Nguyễn Kim (1467-1545), một danh tướng của nhà Lê, đã đem gia quyến chạy sang Ai Lao, nhằm thực hiện kế sách phục hưng quyền lực cho nhà Lê. Nguyễn Kim, gia quyến và tùy tùng được quốc vương Ai Lao giúp đỡ. “Chúa nước ấy là Sạ Đẩu cho rằng, ta là nước có quan hệ môi răng với họ, mới đem cư dân và đất đai Sầm Châu cấp cho Kim. Từ đó, Nguyễn Kim nuôi dưỡng sĩ tốt, chiêu nạp những kẻ chạy trốn, làm phản, ngấm tìm con cháu họ Lê lập nên để mưu khôi phục”³³.

Sau khi xác lập được địa bàn đứng chân vững chắc ở Sầm Châu (Sầm Nưa), Nguyễn Kim đã lập tức thực hiện kế hoạch chiêu tập những người trung dũng, dựng ngọn cờ “Phù Lê, diệt Mạc”. Ông ngấm cho người đi khắp các địa phương để tìm con cháu nhà Lê và cuối cùng đã lập con Chiêu Tông là Ninh lên ngôi báu. Đánh giá về Nguyễn Kim, Lê Quý Đôn viết: “Nguyễn Kim lấy thân phận là lão tướng của nhà thế thần, giữ vững tiết tháo, lật đặt nơi hang núi, cố chí lo toan việc khôi phục, rước lập thiên tử nối lại tông thống, đánh kẻ loạn tặc, phá đám chông gai, mở mang cảnh thổ Thanh, Nghệ, Quảng, Thuận đến hơn ngàn dặm, cơ nghiệp ngàn vạn năm của nước nhà, thực bắt đầu từ đây. Như thế chả phải là người bầy tôi xã tắc đó ư?”³⁴.

Trong thời kỳ gây dựng lực lượng trên đất Sầm Châu, thế lực Lê Duy Ninh - Nguyễn Kim được nhiều người ủng hộ. Lực lượng quân sự của nhà Lê vì thế ngày càng lớn mạnh. Tháng 11 năm 1533, Lê Duy Ninh lên ngôi ở Ai Lao, đặt niên hiệu là Nguyên Hòa tức Lê Trang Tông (cq: 1533-1548). Nhà vua và Nguyễn Kim vẫn chủ trương “Liên kết với vua Ai Lao là Sạ Đẩu, nhờ họ giúp binh khí, lương thực để mưu việc đánh lấy lại nước”³⁵. Năm 1564, vua Ai Lao sai bề tôi sang cống vua Lê sản vật địa phương và 4 con voi đực. Theo *Toàn thư*: “Bấy giờ, chúa nước Ai Lao là Sạ Đẩu dâng 4 con voi đực và vật báu để cầu hôn. Vua muốn hòa hảo với nước láng giềng, bèn đem con gái riêng của vợ mình, phong làm Ngọc Hoa công chúa gả cho”³⁶. Không gian chính trị, văn hóa vùng biên giới Đại Việt - Ai Lao trở thành vùng trung tâm của sự nghiệp đấu tranh giành lại Thăng Long, trung hưng nhà Lê. Công lao chống Minh, cứu nước và những cống hiến to lớn của triều đại Lê sơ với đất nước đã nhận được sự tôn kính sâu sắc của nhân dân và trở thành nguồn động lực cho sự nghiệp phục hưng quyền lực.

Trong khi cuộc chiến tranh Nam - Bắc triều vẫn đang diễn ra, Nguyễn Hoàng (1524-1613) và tùy tùng đã nhận được sự đồng thuận của Trịnh Kiểm (?-1570) vào Thuận Hóa để quản lý vùng “Ô châu ác địa”. Nguyễn Hoàng đã chiêu tập được nhiều người hiền tài; khẩn trương thiết lập hệ thống chính trị, xây dựng lực lượng vũ trang; ban hành các chủ trương, chính sách mới về kinh tế, gia tăng năng lực quản lý xã hội, đồng thời khẳng định vị thế chính trị độc lập, nuôi dưỡng khát vọng mở rộng bờ cõi, chủ quyền lãnh hải³⁷. Tính toán chính trị đó của Nguyễn Hoàng, Nguyễn Phúc Nguyên (1563-1635),... đã vấp phải phản ứng gay gắt của chính quyền Lê - Trịnh. Kết quả là, trong vòng 45 năm (1627-1672) hai bên đã diễn ra 7 lần giao tranh quyết liệt nhưng bất phân thắng bại. Sông Gianh trở thành giới tuyến quân sự. Trên thực tế, với tư duy hướng biển, Nguyễn Hoàng đã thiết lập thành công một mô hình phát triển mới ở Đàng Trong và mô hình đó đã chứng tỏ sức mạnh thực tế của nó trong gần hai thế kỷ (1600-1777).

Cũng trong thời gian đó, những tiếp xúc đầu tiên với người phương Tây đã diễn ra ở một số vùng biển Đại Việt. Năm 1533, tức năm vua Lê Trang Tông lên ngôi ở Ai Lao, giáo sĩ I-guatio (I-ni-khu) đã tới

33) *Đại Việt sử ký toàn thư*: Tập 3. (1993). NXB Khoa học Xã hội, tr.112-113.

34) Quốc sử quán triều Nguyễn. (1998). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*: Tập 2. NXB Giáo dục, tr.108; *Lê Quý Đôn: Kiến văn tiểu lục*, Sdd, tr. 275.

35) *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 3, Sdd, tr.119.

36) *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 3, Sdd, tr.146. Về người Lào, Nguyễn Trãi từng viết: “Bây giờ bộ lạc rất nhiều, ở đâu cũng có, đều gọi là người “Lào”. Nhưng lấy vải sắc sỡ quần mình, gọi cá kêu chim, canh rần cơm voi, lãnh mình ở chùa, phong tục đại khái giống nhau. Nước này có tê, voi, sập trắng, vải lông, chiêng đồng tốt nhất. Họ không có văn tự, dùng lá cây ghi việc. Người Lào từ thời Lý, Trần luôn luôn bị vết thương chiến tranh nặng nề, bởi vì ở gần nước ta, nên triều cống không thiếu. Lúc quốc sơ thường đã phục tùng, quy thuận”. Nguyễn Trãi: *Dư địa chí*, Sdd, tr.472-473.

37) Keith W. Taylor. (2001). Nguyễn Hoàng và bước mở đầu cuộc Nam tiến của người Việt. Trong Nguyệt san Xưa & Nay & NXB Trẻ (Đồng biên soạn), *Những vấn đề lịch sử Việt Nam*. NXB Trẻ. tr.161-184. Theo *Toàn thư*, năm kỷ tỵ (1569) “Mùa thu, tháng 9, Trần thủ Thuận Hóa là Đoàn Quận công Nguyễn Hoàng vào châu, lạy chào (vua Lê) ở hành tại, lại đến phủ Thượng tướng lạy mừng, giải bày tình cảm anh em, rất thương yêu, quý mến nhau”. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sdd, Tập 3, tr.139.

làng Ninh Cường, Quần Anh huyện Nam Chân và làng Trà Lũ huyện Giao Thủy (Nam Định) để giảng đạo³⁸. Tiếp đó, nhiều thương nhân, giáo sĩ, thám hiểm phương Tây đã đến nước ta. Năm 1584, nhà Mạc gửi thư đề nghị Toà Giám mục đạo Kito ở Ma Cao cử giáo sĩ tới truyền giáo.

Ở Đàng Trong, năm 1535, giáo sĩ Bồ Đào Nha Antonio da Faria cũng đã đến truyền giáo ở Hội An³⁹. Tiếp đó, nhiều đoàn thuyền buôn Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Anh, Hà Lan,... bắt đầu tìm đến các thương cảng Đàng Ngoài cũng như Đàng Trong. Thay vì những mối quan hệ nội Á truyền thống, từ thế kỷ XVI-XVII một thời đại mới trong quan hệ bang giao, giao thương Âu - Á đã được mở ra trên bình diện thế giới⁴⁰.

2.4. Thể chế Lê - Trịnh: Ứng đối chính trị và sự lựa chọn

Với nhà Mạc (1527-1592), sau khi lên ngôi vua, để tránh áp lực chính trị, quân sự từ phương Bắc, Mạc Đăng Dung đã sai sứ sang triều Minh tâu báo về tình trạng: “con cháu nhà Lê không còn ai thừa tự, nên di chúc cho đại thần họ Mạc tạm quản việc nước để yên lòng dân”⁴¹. Hiển nhiên, giới cầm quyền nhà Minh và quan chức các địa phương ở Vân Nam, Quảng Tây, Quảng Đông,... hiểu rõ tình thế chính trị của Đại Việt nên đã thường xuyên đe dọa phế bỏ nhà Mạc, đồng thời uy hiếp đưa quân sang xâm lược⁴². Vua Minh từng cho truyền hịch: “Chỉ đánh giặc cha con Mạc Đăng Dung mà thôi, nếu ai mang quận, huyện đến hàng sẽ được giao cho cai quản chính quận, huyện đó; nếu giết hoặc bắt được cha con Mạc Đăng Dung đem đến hàng sẽ được thưởng 20.000 lạng (vàng?), quan cao, tên tuổi được ghi công hai, ba lần. Dụ cha con Đăng Dung quả muốn trối tay chịu tội, nạp đủ số hộ tịch dân chúng, nạp cống, tuân theo mệnh, sẽ được tha tội chết”⁴³. Đó là âm mưu hết sức thâm hiểm “không đánh mà hạ thành”, tiếp tục khoét sâu mâu thuẫn, làm ly tán nhân tâm, suy yếu đất nước ta của giới cầm quyền nhà Minh!

Trong suốt nửa thế kỷ, để tránh họa xâm lược từ phương Bắc, duy trì vương vị và tập trung binh lực đối kháng với các cặp quyền lực: Lê - Nguyễn (Nguyễn Kim, Nguyễn Hoàng,...), rồi Lê - Trịnh (Trịnh Kiểm, Trịnh Tùng,...), nhà Mạc đã thực thi một chính sách đối ngoại “nhún nhường” với chính quyền phương Bắc. Trong thế nước suy yếu, nhiều nguồn tài sản quý đã được đưa lên vùng biên giới phía bắc rồi chuyển sang Yên Kinh⁴⁴. Tuy nhiên, trong thời kỳ cầm quyền của nhà Mạc, đời sống kinh tế, nhất là kinh tế công thương đã có nhiều bước phát triển đột khởi⁴⁵. Những cá tính sáng tạo, nhiều giá trị văn hóa Đại Việt thời Lý - Trần được hồi sinh và khuynh hướng phi độc tôn tư tưởng, tôn giáo đã diễn ra⁴⁶. Xã hội thời Mạc là xã hội mở, năng động. Dương Kinh, quê hương nhà Mạc là một đô thị biển.

Với chính quyền Lê, ngay trong năm 1533, triều Lê - Nguyễn đã sai Trịnh Duy Liêu theo đường biển sang nhà Minh cầu viện. Thực hiện sứ mệnh được ủy thác, Duy Liêu đã thể hiện hào khí, tinh thần tự tôn trước giới quan lại phương Bắc. Theo Lê Quý Đôn: “dẫu cổ nhân cũng không thể hơn được”, và coi “ông là người đại tài, đại trung và đại dũng trong nước”⁴⁷. Tuy nhiên, những đề nghị của sứ giả triều Lê đã không được nhà Minh chấp thuận. Duy Liêu bị lưu giữ ở Trung Quốc. Năm 1536, vua Lê lại cử sứ giả sang nhà Minh để nghị cho quân sang đánh Mạc!

38) Nguyễn Văn Kiệm. (2001). *Sự du nhập của đạo Thiên chúa vào Việt Nam từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX*. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, tr. 50.

39) Nguyễn Lương Bích. (2003). *Lược sử ngoại giao Việt Nam các thời trước*. NXB Quân đội Nhân dân, tr. 163.

40) Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội. (2007). *Việt Nam trong hệ thống thương mại châu Á thế kỷ XVI-XVII*. NXB Thế giới, tr. 311-350, 453-463; Nguyễn Văn Kim. (2015). *Biển Việt Nam và các mối giao thương biển*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 345-369.

41) Lê Quý Đôn. (1978). *Đại Việt thông sử*. NXB Khoa học Xã hội, tr.267.

42) Minh thực lục: *Quan hệ Trung Quốc - Việt Nam thế kỷ XIV-XVII: Tập 3*. (2010). NXB Hà Nội, tr. 175-267.

43) Minh thực lục: *Quan hệ Trung Quốc - Việt Nam thế kỷ XIV-XVII: Tập 3*. (2010). NXB Hà Nội, Sdd, tr. 214.

44) Năm 1542, Mạc Đăng Dung sai Nguyễn Chiêu Huân, Vũ Tuấn và Tạ Đình Quang “đem sản vật sang tiến cống nhà Minh: lư hương và bình hoa bằng vàng 4 bộ (nặng 100 lạng), rùa bằng vàng một con (nặng 19 lạng), hạc bạc và đài bạc mỗi thứ 1 cái (nặng 50 lạng), bình hoa và lư hương bằng bạc hai bộ (nặng 150 lạng), mâm bạc 12 chiếc (nặng 641 lạng) trầm hương 60 cân, tốc hương 148 cân”. Phan Huy Chú. (2007). *Bang giao chí. Trong Lịch triều hiến chương loại chí: Tập 2*. NXB Giáo dục, tr. 603.

45) Nguyễn Văn Kim. (2010). *Kinh tế công thương thời Mạc*. Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, (12), 3-18, tr. 3-18.

46) Trần Quốc Vương. (2000). *Mấy vấn đề về nhà Mạc, in trong Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam: Mạc Đăng Dung và vương triều Mạc*. Hội Sử học Hải Phòng, tr. 161.

47) Lê Quý Đôn: *Kiến văn tiểu lục* (1977). Nxb. Khoa học Xã hội, tr. 274. Xem thêm Ban Nghiên cứu và Biên soạn Lịch sử Thanh Hóa. (2002). *Lịch sử Thanh Hóa: Tập 3: Thế kỷ XV-XVIII*. NXB Khoa học Xã hội, tr. 149-171.

Trước những động thái ngoại giao của chính quyền Lê, năm 1538 nhà Mạc lại tiếp tục cho sứ sang Yên Kinh xin quy thuận. Nhân cơ hội đó, vua Minh cử Mao Bá Ôn chỉ huy một đạo quân tiến đến biên giới. Để tránh nguy cơ chiến tranh, một mặt triều Mạc thực hiện chính sách mua chuộc Mao Bá Ôn và giới cầm quyền phương Bắc, mặt khác Mạc Đăng Dung phải chấp thuận tuyên bố từ bỏ vương hiệu và đích thân đến trại quân Minh ở biên giới nộp đất, dựng mốc⁴⁸! Đến năm 1582, nhà Minh lại đòi truy xét lại biên giới ở Lạng Sơn. Nhà Mạc lại phải cử người sang nộp cống. Không chỉ bị triều Minh không ngừng gây áp lực chính trị, nhà Mạc còn bị thế lực Lê - Trịnh tấn công liên tiếp và cuối cùng ngày 13 tháng 01 năm 1593, Mạc Mậu Hợp bị bắt. Nhà Mạc buộc phải phân tán lực lượng, chia thành nhiều nhánh: Chạy về phía biển, lên vùng núi cao (Cao Bằng), di chuyển vào Nam v.v... Đến năm 1677, dinh lũy của dòng họ này ở Cao Bằng bị thất thủ. Như vậy, về cơ bản từ năm 1592, chính quyền Lê - Trịnh đã nắm giữ được quyền lực và tiếp tục cuộc đấu tranh chính trị, ngoại giao với nhà Minh.

Kết quả là, triều Lê Trung Hưng đã khẳng định được nền độc lập, tránh được nguy cơ của một cuộc chiến tranh và tiếp tục củng cố sức mạnh thực tế của vương quyền. Sau khi nhà Lê phục hưng được quyền lực, giới cầm quyền nhà Minh nhiều lần đề nghị vua Lê phải cho sứ sang “triều cống”, đồng thời yêu cầu vua Lê lên biên giới “hội khám”. Để thể hiện sức mạnh, tháng 3 năm 1597, vua Lê Thế Tông cùng tùy tùng, tướng sĩ lên ải Nam Quan đem theo 5 vạn quân và voi chiến hộ tống. Sau đó, nhà Lê còn cử Phùng Khắc Khoan, một người có chí khí, thông hiểu văn chương, có tài ứng đối, đi sứ Yên Kinh. Ông đã hoàn thành xuất sắc sứ mệnh ngoại giao và có thể suy tôn là “Nhà ngoại giao văn hóa xuất sắc” của Đại Việt. Lê Quý Đôn nhận xét: “Phùng Khắc Khoan phụng mệnh đi sứ, tuổi đã ngoài 70, không những biện bạch quang minh chính đại, đạo đạt được mệnh lệnh của vua, làm mạnh mẽ được thể thống trong nước. Đến như 30 vần thơ dâng mừng khánh tiết và hơn 10 vần thơ đáp lại chánh, phó sứ Triều Tiên tài tứ chứa chan, cách điệu tươi đẹp, y như lúc còn trẻ tuổi. Như thế chả phải đạt được linh khí sông núi giúp đỡ ư?”⁴⁹.

Trên phương diện kinh tế, thế kỷ XVI-XVII được coi là Thời hoàng kim (*Golden Age*) trong giao thương quốc tế châu Á. Trong thời gian đó, nền kinh tế Đại Việt, trong đó có kinh tế đối ngoại đã có nhiều biến chuyển, phát triển trội vượt. Là thể chế cầm quyền, chính quyền Lê - Trịnh đã có nhiều nỗ lực để đưa nền kinh tế Đại Việt hòa nhập với sự phát triển chung của khu vực và thế giới.

Để thiết lập quan hệ thường xuyên, lâu dài và để bảo đảm những lợi ích thương mại, vào thế kỷ XVII nhiều tập đoàn thương nhân quốc tế đã đến thiết lập cơ sở ở Đàng Ngoài. Chính quyền Lê - Trịnh đã cho phép Hà Lan, Anh,... lập thương điểm ở Thăng Long. Người Hà Lan đã buôn bán ở Đàng Ngoài từ năm 1637 đến 1700. Người Anh đến Đàng Ngoài năm 1672, cư trú ở Phố Hiến, đến năm 1683 được chuyển lên Kẻ Chợ và hoạt động ở đây đến năm 1697. Theo W.Dampier thì: “Người Pháp cũng có trạm buôn của họ ở Hiến nhưng người ta không cho phép họ đặt một thương quán thứ hai ở Kẻ Chợ”⁵⁰. Trong thời gian đó, đối sách của chính quyền Lê - Trịnh với các tập đoàn thương nhân ngoại quốc tương đối khác nhau. Sự khác biệt đó còn được biểu hiện theo thời gian, theo “tư duy kinh tế” của người cầm quyền và thậm chí còn lệ thuộc vào những gì mà các thương nhân quốc tế đem đến buôn bán, biếu tặng⁵¹.

48) Sắc của vua Minh giao cho Mạc Phúc Hải ghi rõ: “Trẫm vì thể đức “hiếu sinh” của Thượng đế, muốn thuận tình an lạc của hạ dân, cho nên tha cho hết thảy tội lỗi, rồi đổi quốc hiệu, bỏ phong vương, trao cho chức Đô thống sứ, hàm tòng nhị phẩm nan môn, dùng quả ấn bằng bạc, được theo ngày tháng và triều cống, cho con cháu được nối ngôi, đời đời giữ nước. Đó là một lợi ích lâu dài của dòng họ ngươi vậy”.

Lê Quý Đôn: Đại Việt thông sử (1978). NXB Khoa học Xã hội, tr. 149-150.

49) Lê Quý Đôn: Kiến văn tiểu lục (1977). Nxb. Khoa học Xã hội, tr. 276-277. Ông cũng được coi là người đã đem giống ngô và kỹ thuật dệt lụa về nước.

50) W.Dampier: Một chuyến du hành đến Đàng Ngoài năm 1688, Sđd, tr. 36. Theo W.Dampier: “Thương điểm của người Anh không có nhiều người, tọa lạc một cách yên bình ở phía Bắc thành phố và quay mặt ra ngoài sông. Gần đó: “Thương điểm của người Hà Lan giáp thương điểm của người Anh ở mạn Nam... Khu thương điểm của họ không rộng như của chúng ta tuy rằng họ đã đến đây trước chúng ta nhiều năm và bởi người Anh vừa chuyển về đây từ Phố Hiến, nơi họ lưu trú trước đây”. W.Dampier: Một chuyến du hành đến Đàng Ngoài năm 1688, Sđd, tr.67.

51) Trong Tập du ký mới... J.B. Tavernier nhận xét: “Bao giờ em tôi cũng mang theo một số tiền to, hơn nữa lại mang theo nhiều đồ vật lạ để biếu vua và các đại thần trong triều đình theo như tục lệ của tất cả các xứ phương Đông. Khi tới các xứ này thì chờ bao giờ đến yết kiến các hoàng tử và các đại vương mà lại không mang tặng vật gì. Bằng cách đó, khi đến xứ này, em tôi được tiếp đón nồng hậu”, Sđd, tr.25. Bức thư của thương điểm Anh ở Bantam đề ngày 29-1-1677 cũng viết: “Người châu Âu đã bị chúa Đàng Ngoài đối xử không quý trọng vì chúa nhận được một số lượng lớn bạc từ Nhật Bản tới”, Charles B. Maybon: Những người châu Âu ở nước An Nam, Bản dịch của PGS.TS Nguyễn Thừa Hỷ. (2006). Thăng Long - Hà Nội thế kỷ XVII, XVIII, XIX. NXB Thế giới, tr. 229.

Để quản lý các hoạt động kinh tế đối ngoại, chính quyền Lê - Trịnh đã thiết lập một hệ thống kiểm soát từ vùng cửa biển, dọc theo hệ thống ven sông và đặc biệt là vùng ngã ba sông. Những cứ liệu hiện nay cho thấy, vùng Domea, Phố Hiến có vai trò rất quan trọng trong hệ thống giao thương trong nước, khu vực và quốc tế. Đó vừa là “tiền cảng” của Thăng Long vừa là hệ thống kiểm soát bảo vệ cho kinh đô đồng thời cũng là trung tâm kinh tế lớn nhất của Đàng Ngoài⁵².

Với cái nhìn so sánh, nhà nghiên cứu J. Buttinger cho rằng: “Nền kinh tế Việt Nam không cho phép sự phát triển ở cấp độ làng xã bởi sự tăng trưởng lạ thường của đất nước... Sự ổn định kinh tế đã giúp Việt Nam ở mức độ nào đó tồn tại một cách kỳ diệu; sự mở rộng lãnh thổ bằng cách này hay cách khác đã giải quyết vấn đề tăng dân số; chắc chắn Việt Nam sở hữu nền hành chính tự nhiên tiên tiến nhất Đông Nam Á, nhưng sự cấu thành chế độ phong kiến riêng biệt trong cấu trúc xã hội đã kiểm soát được toàn bộ sự phát triển kinh tế - xã hội”. Dẫn lại nhận định của chuyên gia nổi tiếng về Đông Nam Á D.G.E. Hall, tác giả cũng cho rằng: “Chúa Trịnh đã thừa hưởng một hệ thống hành chính có chức năng tương đương với bất kỳ nền hành chính bản địa nào ở Đông Nam Á. Nhưng họ đã cải tiến đi rất nhiều”⁵³.

3. Nhận xét, kết luận

Như vậy, trong nhận thức của các học giả quốc tế, với các hoạt động kinh tế phong phú, Đàng Ngoài không phải là một thể chế theo đuổi “Chủ nghĩa trọng nông”. Vì những mối lợi to lớn mà các ngành sản xuất thủ công, thương nghiệp và dịch vụ có thể đem lại, Chính quyền Lê Trung Hưng đã kích hoạt cho sự phát triển của một nền kinh tế tổng hòa, đa ngành, đa lĩnh vực, đồng thời mở ra nhiều không gian kinh tế, xã hội mới cho sự phát triển. Chính quyền Lê - Trịnh cũng đã thiết lập nên hệ thống quản lý năng động, hiệu quả, thích ứng với sự phát triển chung của nhiều quốc gia Đông Á và điều quan trọng là đã ngăn chặn được chủ trương “Bắc tiến” của thế lực Đàng Trong,...

Trong bối cảnh nhà Minh (1368-1644) rồi nhà Thanh (1644-1911) nhìn chung đều theo đuổi chính sách cấm hải, hạn chế hoạt động của kinh tế ngoại thương với nhiều quốc gia khu vực, chính quyền Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài cũng như các chúa Nguyễn ở Đàng Trong đã thực thi một số chính sách tương đối tích cực để khuyến khích sản xuất trong nước và phát triển quan hệ giao thương với các nước. Trong các thế kỷ XVI-XVII, các thương cảng như Thăng Long, Phố Hiến của Đàng Ngoài và Thanh Hà, Hội An của Đàng Trong đã không chỉ là nơi cung cấp hàng hoá, tránh bão và lấy nước ngọt... của nhiều đoàn thương thuyền châu Á mà còn là nơi đón nhận các đoàn thuyền buôn từ các quốc gia châu Âu. Trong tiến trình phát triển lâu dài của lịch sử dân tộc, chưa có thời kỳ nào nền kinh tế ngoại thương lại đạt được sự phát triển phổ biến như vậy. Điều đáng chú ý là, song song với các hoạt động kinh tế đối ngoại, nhiều hoạt động bang giao, giao lưu văn hóa với các quốc gia cũng được thực hiện. Các mối quan hệ đó luôn gắn bó chặt chẽ, bổ sung và hỗ trợ cho các hoạt động kinh tế. Trong đó, kinh tế ngoại thương luôn là nhân tố tạo dựng nền tảng, đồng thời là cơ sở để xây dựng các mối quan hệ đa dạng khác.

Điều đó cũng có nghĩa rằng, trong quan hệ đối ngoại, giao thương quốc tế, chính quyền Lê - Trịnh, với vai trò quản lý, tham mưu, tư vấn của lực bộ, đặc biệt là đội ngũ quan lại cao cấp như: Phùng Khắc Khoan (1528-1613), Giang Văn Minh (1573-1638), Nguyễn Duy Thì (1572-1652), Nguyễn Duy Hiếu (1602-1639), Lê Đình Kiên (1621-1704),... đã có những nhận thức, đánh giá tương đối khách quan, toàn diện về những biến đổi của tình hình chính trị khu vực, thế giới; về sức mạnh chính trị, kinh tế thực tế của từng thế lực phương Đông cũng như phương Tây; đã xác định đúng tiềm năng, vị thế của quốc gia Đại Việt; ngăn chặn được hiểm họa từ phương Bắc, tránh được khả năng xung đột với các thế lực phương Tây; đã phục hưng được quyền uy chính trị trung tâm và duy trì được quyền lực ấy cho đến khi quân Tây Sơn tiến ra Bắc Hà tháng 8 năm 1786.

52) John Kleinen, Bert van der Zwan, Hans Moors, & Ton van Zeeland. (2008). *Sự từ và Rõng: Bốn thế kỷ quan hệ Hà Lan - Việt Nam*. NXB Thế giới, tr. 82.

53) Joseph Buttinger. (1958). *The smaller dragon: A political history of Vietnam*. Praeger Publishers, pp.171, 195.